

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG VÀ CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA BÊN NGOÀI CỦA
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA



CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Km 4 + 500 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tứ Minh,
Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 02203.890328

Fax: 02203.890328

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941.2626

Fax: (84-24) 3934.7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN



*Nơi dịch vụ
làm nên bốn sắc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12 Tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai
Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3.944.6666

Fax: (024) 3.944.8071

Hải Dương, tháng 6 năm 2020

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU.....	4
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ.....	5
CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	7
II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	8
1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	8
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	8
3. Ngành nghề kinh doanh.....	9
4. Cơ cấu tổ chức và quản lý.....	9
4.1 Mô hình tổ chức quản lý.....	9
4.2 Chức năng, nhiệm vụ cụ thể.....	10
III. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN.....	11
IV. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ CỔ PHẦN HÓA.....	13
V. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP.....	15
1. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai.....	15
2. Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng.....	16
2.1 Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc.....	17
2.2 Tình hình phương tiện vận tải.....	21
2.3 Tình hình máy móc, thiết bị.....	21
2.4 Tình hình công cụ, dụng cụ.....	23
VI. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON.....	25
VII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 03 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	25
1. Một số vấn đề cần lưu ý khi tham khảo các số liệu tài chính trong BCTC kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 của Công ty.....	25
1.1 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.....	25
1.2 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018.....	25
1.3 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.....	26
2. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	26
2.1 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm.....	26
2.2 Nguyên vật liệu.....	27
2.3 Chi phí sản xuất.....	28
2.4 Trình độ công nghệ.....	28
2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	29
2.6. Hoạt động Marketing.....	29
2.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	29
2.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	29
2.9. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 – 2019.....	30

3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa	31
VIII. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH.....	32
1. Vị thế của Công ty trong ngành:	32
2. Triển vọng phát triển của ngành	32
3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước	32
IX. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	32
1. Cơ hội.....	33
2. Thách thức.....	33
3. Mục tiêu	33
4. Kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá.....	33
5. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 5 năm sau cổ phần hóa	34
6. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa	34
6.1 Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý	34
6.2 Giải pháp về nhân sự và bộ máy Công ty	35
6.3 Giải pháp về quản lý nguồn vốn và tài chính.....	36
6.4 Giải pháp về khoa học công nghệ	36
X. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	37
1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	37
2. Ngành nghề kinh doanh	37
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa	37
XI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA	39
XII. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ.....	40
1. Hình thức cổ phần hóa	40
2. Quy mô vốn điều lệ.....	40
3. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	41
XIII. RỦI RO DỰ KIẾN	41
1. Rủi ro về kinh tế.....	41
2. Rủi ro luật pháp.....	41
3. Rủi ro của đợt chào bán	42
4. Rủi ro đặc thù ngành chăn nuôi	42
5. Rủi ro khác	42
XIV. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	43
1. Phương thức bán cổ phần.....	43
1.1 Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	43
1.2 Cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn	44

1.3	Cổ phần chào bán công khai ra công chúng.....	44
2.	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	45
XV.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA.....	45
XVI.	KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ LƯU KÝ, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM.....	46
XVII.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG	
	CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	47
1.	Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương	47
2.	Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương.....	47
3.	Đại diện Tổ chức tư vấn.....	47

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Bảng số 1. Ngành nghề kinh doanh trước cổ phần hóa của Công ty	9
Bảng số 2. Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2018	11
Bảng số 3. Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa	11
Bảng số 4. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	13
Bảng số 5. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2018	13
Bảng số 6. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai tại thời điểm 31/12/2018	15
Bảng số 7. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2018	16
Bảng số 8. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2019	17
Bảng số 9. Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 31/12/2018	17
Bảng số 10. Tình hình phương tiện vận tải của Công ty tại thời điểm 31/12/2018	21
Bảng số 11. Thực trạng máy móc, thiết bị của Công ty tại thời điểm 31/12/2018	21
Bảng số 12. Thực trạng công cụ, dụng cụ của Công ty tại thời điểm 31/12/2018	23
Bảng số 13. Cơ cấu doanh thu thuần trước cổ phần hóa	26
Bảng số 14. Cơ cấu lợi nhuận gộp trước cổ phần hóa	27
Bảng số 15. Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2017 - 2019	28
Bảng số 16. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 - 2019	30
Bảng số 17. Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2019	31
Bảng số 18. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa	34
Bảng số 19. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa	37
Bảng số 20. Diện tích đất Công ty giữ lại quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa	39
Bảng số 21. Diện tích đất Công ty trả lại địa phương sau cổ phần hóa	39
Bảng số 22. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa	41
Bảng số 23. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ việc bán cổ phần	45

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về việc Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020;
- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 63/2015/NĐ-CP;
- Quyết định số 5048/QĐ-UBND ngày 10/12/2004 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Phê duyệt phương án bồi thường, giá thuê đất khi thu hồi đất cho Trung tâm Giống gia súc Hải Dương thuê;
- Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương;
- Quyết định số 1594/QĐ-BCĐ ngày 13/08/2019 của Ban chỉ đạo về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương;
- Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị tư vấn và kinh phí tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, xác định giá khởi điểm để bán cổ phần lần đầu, tư vấn lập phương án cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần lần đầu, tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương;
- Văn bản số 2724/UBND-VP ngày 13/08/2019 về phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương;
- Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống gia súc

Hải Dương tại thời điểm ngày 31/12/2018;

- Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 18/05/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thu hồi đất, chuyển diện tích đất do Công ty TNHH một thành viên Giống gia súc Hải Dương đang quản lý, sử dụng sang hình thức thuê đất tại phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương;

- Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. “Công ty”, “Doanh nghiệp cổ phần hóa”: Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương.
2. “Cổ phần”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
3. “Cổ phiếu”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
4. “Cổ đông”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
5. “Cổ tức”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
6. “Vốn điều lệ”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

UBND	Ủy ban nhân dân
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CPH	Cổ phần hóa
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
TSCĐ	Tài sản cố định
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
GTDN	Giá trị doanh nghiệp
HĐQT	Hội đồng quản trị
ĐVT	Đơn vị tính
DN	Doanh nghiệp
DTT	Doanh thu thuần
SXKD	Sản xuất kinh doanh
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
DV	Dịch vụ
HĐLĐ	Hợp đồng lao động

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG**
- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương
viết tắt
- Trụ sở chính : Km 4 + 500 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tứ Minh,
Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ
theo giấy CN : 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*)
ĐKKD
- Vốn điều lệ
thực góp tại
thời điểm : 40.698.272.130 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tỷ, sáu trăm
chín mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm
ba mươi đồng*)
31/12/2019
- Điện thoại : 02203.890328
- Fax : 02203.890328
- Mã số thuế : 0800011667
- Email : gionggiasuchd@gmail.com
- Người đại diện : Ông Đinh Xuân Bình – Giám đốc
theo pháp luật
- Chủ sở hữu : UBND tỉnh Hải Dương

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương là Trung tâm Giống gia súc số I Cẩm Khê được thành lập theo Quyết định số 2117/QĐ-UB ngày 29 tháng 12 năm 1995 của UBND tỉnh Hải Hưng. Ngày 06/01/1997, UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 02/QĐ-UB về việc đổi tên Trung tâm Giống gia súc số I Cẩm Khê thành Trung tâm Giống gia súc Hải Dương.

Trung tâm Giống gia súc Hải Dương là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích của tỉnh, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 12/03/2003. Trung tâm có nhiệm vụ: Sản xuất và tiêu thụ liệu tinh lợn, tổ chức truyền tinh nhân tạo bò trên địa bàn được giao, nuôi giữ giống gốc lợn nái sinh sản cấp ông bà, cung ứng dịch vụ con giống lợn, bò sinh sản, đào tạo tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật ngành chăn nuôi, thú y và thực hiện nhiệm vụ công ích sản xuất và cung cấp giống gia súc chăn nuôi của tỉnh.

Đến năm 2015, Trung tâm Giống Gia súc Hải Dương chính thức chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương.

Từ năm 2015 đến nay, Công ty hoạt động dưới mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bảng số 1. Ngành nghề kinh doanh trước cổ phần hóa của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chăn nuôi lợn Chi tiết: Chăn nuôi lợn đực giống, chăn nuôi lợn nái sinh sản, lợn thịt	0145 (chính)
2	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi Chi tiết: Sản xuất và cung ứng liều tinh dịch lợn, truyền tinh nhân tạo lợn, trâu, bò.	0162
3	Chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
4	Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật ngành chăn nuôi thú y.	7490
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn con giống gia súc, gia cầm	4620

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương)

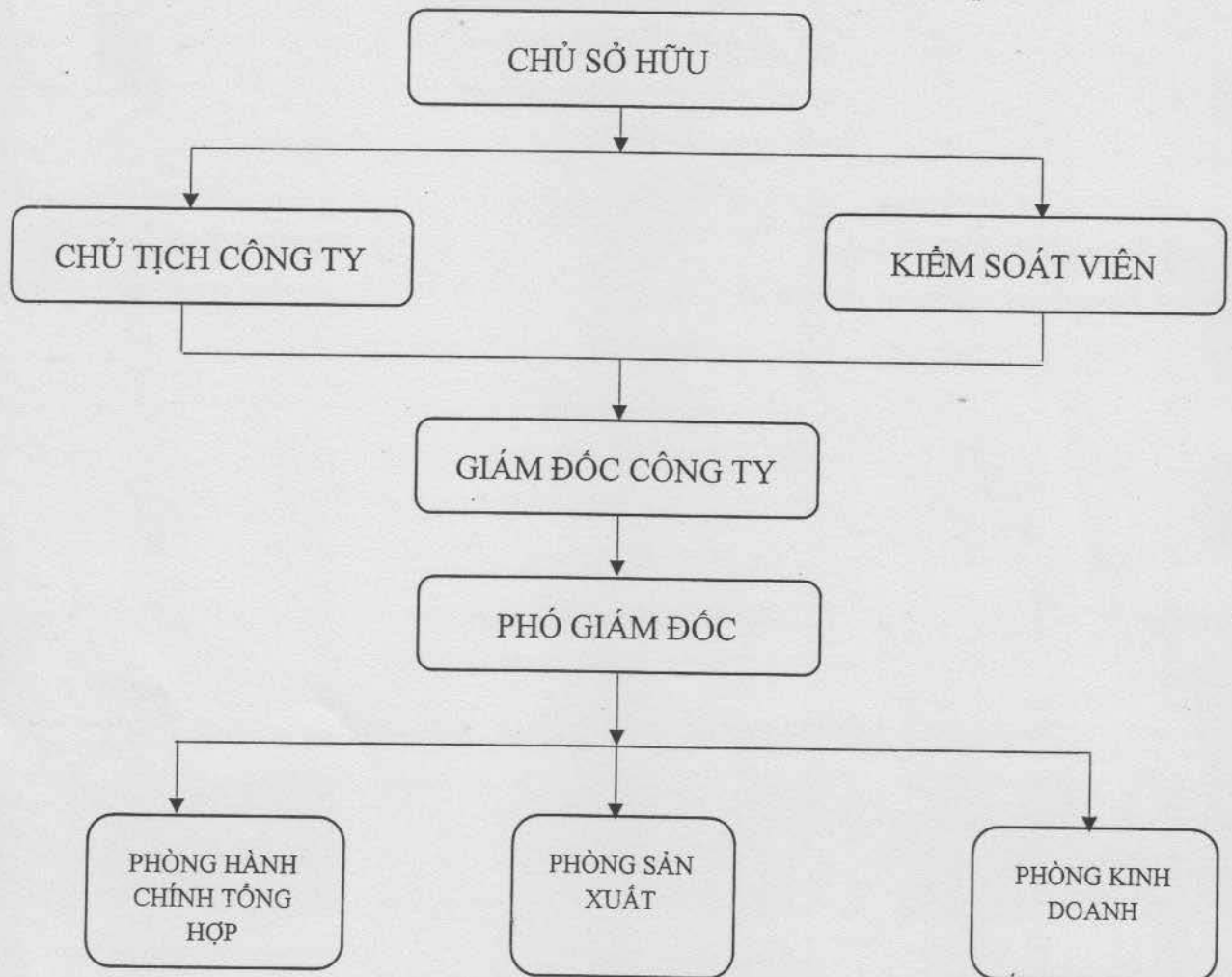
Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu: Chăn nuôi lợn đực giống, chăn nuôi lợn nái sinh sản, lợn thịt

4. Cơ cấu tổ chức và quản lý

4.1 Mô hình tổ chức quản lý

Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương tổ chức và hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và pháp luật khác có liên quan.

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty trước khi cổ phần hóa



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương)

4.2 Chức năng, nhiệm vụ cụ thể

✦ Chủ tịch Công ty

- Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của Công ty sau khi đề nghị và được UBND tỉnh phê duyệt;
- Quyết định kế hoạch sản xuất, kinh doanh; kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm và gửi quyết định đến UBND tỉnh để tổng hợp, giám sát;
- Đề nghị UBND tỉnh bổ nhiệm, bộ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Công ty, giám đốc công ty, phó giám đốc công ty;
- Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty tại Doanh nghiệp khác, việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết sau khi đề nghị và được UBND tỉnh phê duyệt về chủ trương;

✦ Giám đốc Công ty

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của chủ tịch Công ty;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của chủ tịch Công ty;

- Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
- Ký hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức của Công ty.

Các phòng, ban nghiệp vụ:

Các phòng, ban nghiệp vụ chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ nhằm thực hiện kế hoạch chung của Công ty.

III. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Bảng số 2. Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2018

TT	Cơ cấu lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	26	100,00
1	Đại học và Trên Đại học	9	34,62
2	Cao đẳng và trung cấp	9	34,62
3	Sơ cấp	8	30,77
4	Lao động phổ thông	0	0,00
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	26	100,00
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	02	7,69
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	21	80,77
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	03	11,54
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng.	0	0,00
III	Phân loại theo giới tính	26	100,00
1	Nam	16	61,54
2	Nữ	10	38,46

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Giồng Gia súc Hải Dương)

Trên cơ sở lao động hiện có của doanh nghiệp và nhu cầu sử dụng lao động sau Công ty chuyển sang cổ phần hóa, Công ty dự kiến sắp xếp lại như sau:

Bảng số 3. Phương án sắp xếp lao động sau cổ phần hóa

TT	Nội dung	Tổng số	Tỷ trọng
I	Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	26	100,00
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	02	7,69
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	24	92,31
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	24	92,31
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	00	00,00
	- LĐ theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng	00	0,00

TT	Nội dung	Tổng số	Tỷ trọng
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	00	0,00
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	04	100,00
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	01	25,00
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	00	0,00
	- Hết hạn HĐLĐ	00	0,00
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	02	50,00
	- Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của Pháp luật	00	0,00
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp mà doanh nghiệp đã tìm mọi biện pháp nhưng không thể bố trí được việc làm ở doanh nghiệp sau khi chuyển thành công ty cổ phần	01	25,00
	- Số lao động áp dụng theo Điều 3 Nghị định số 63/2015/NĐ-CP (tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998)	01	25,00
	- Số lao động áp dụng theo Điều 4 Nghị định số 63/2015/NĐ-CP (tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21/4/1998 trở về sau)	00	0,00
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	22	100,00
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	02	9,09
2	Lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	20	90,91
3	Số lao động nghỉ chế độ BHXH, chia ra:	00	0,00
	- Ốm đau	00	0,00
	- Thai sản	00	0,00
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	00	0,00
4	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	00	0,00
	- Nghĩa vụ Quân sự	00	0,00
	- Nghĩa vụ công dân khác	00	0,00
	- Bị tạm giam, tạm giữ	00	0,00
	- Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	00	0,00

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Giồng gia súc Hải Dương)

Sau khi chuyển đổi sang Công ty cổ phần, tổng số lao động trong Công ty là 22 người, chi tiết cụ thể như sau:

Bảng số 4. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	22	100,00
1. Phân theo trình độ lao động	22	100,00
- Trình độ Đại học và trên đại học	08	36,36
- Trình độ cao đẳng và trung cấp	08	36,36
- Trình độ sơ cấp	06	27,27
- Lao động phổ thông	00	0,00
2. Phân theo loại hợp đồng lao động	22	100
Không thuộc diện ký hợp đồng lao động	02	9,09
Lao động làm việc theo HĐLĐ	20	90,91
- HĐLĐ không thời hạn	20	90,91
- HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	00	00,00
- HĐLĐ theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	00	0,00
3. Phân theo giới tính	22	100
- Nam	12	54,55
- Nữ	10	45,45

(Nguồn: Phương án sắp xếp lao động của Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương)

IV. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ Quyết định số 4518/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương tại thời điểm 31/12/2018.

Giá trị thực tế doanh nghiệp xác định lại tại thời điểm 31/12/2018 được xác định theo phương pháp tài sản là: **52.884.097.007 đồng**. Trong đó:

- Nợ phải trả: **724.180.566 đồng**
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước: **52.159.916.441 đồng**
- Tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán):
 - + Tài sản chờ thanh lý: 0 đồng
 - + Tài sản dùng một lần, hỏng không sử dụng được: 128.638.444 đồng

Bảng số 5. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2018

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>(4)=(3)-(1)</i>
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	40.486.141.378	52.884.097.007	12.397.955.629
I	Tài sản dài hạn	34.631.409.979	47.029.365.608	12.397.955.629
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
2	Tài sản cố định	32.005.993.832	44.327.977.487	* 12.321.983.655
-	TSCĐ hữu hình	32.005.993.832	44.327.977.487	12.321.983.655
	Nhà cửa, vật kiến trúc	28.580.549.517	40.889.821.692	12.309.272.175
	Máy móc thiết bị	2.636.962.960	2.641.637.960	4.675.000
	Công cụ dụng cụ	265.951.755	265.951.755	-
	Phương tiện vận tải	522.529.600	530.566.080	8.036.480
-	TSCĐ vô hình	-	-	-
3	Chi phí trả trước dài hạn	2.625.416.147	2.701.388.121	75.971.974
II	Tài sản ngắn hạn	5.854.731.399	5.854.731.399	-
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.171.533.426	4.171.533.426	-
-	Tiền mặt	171.533.426	171.533.426	-
-	Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	4.000.000.000	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	126.012.712	126.012.712	-
4	Hàng tồn kho	1.557.185.261	1.557.185.261	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	Tài sản cố định không cần dùng, tài sản thiếu chờ xử lý (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	128.638.444	128.638.444	-
B1	Tài sản cố định không cần dùng	-	-	-
I	Tài sản dài hạn	-	-	-
1	Tài sản cố định:	-	-	-
	- Nguyên giá	35.000.000	35.000.000	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(35.000.000)	(35.000.000)	-
B2	Tài sản cố định thiếu chờ xử lý	-	-	-
I	Tài sản dài hạn	128.638.444	128.638.444	-
1	Tài sản cố định:	128.638.444	128.638.444	-
	- Nguyên giá	152.620.000	152.620.000	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(23.981.556)	(23.981.556)	-
	Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (A+B)	40.614.779.822	53.012.735.451	12.397.955.629
	Tổng giá trị thực tế doanh	40.486.141.378	52.884.097.007	12.397.955.629

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
	nghiệp (Mục A)			
C	Nợ thực tế phải trả	724.180.566	724.180.566	-
D	Nguồn kinh phí sự nghiệp	1.931.212.000	-	(1.931.212.000)
	Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (A - C - D)	37.830.748.812	52.159.916.441	14.329.167.629

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Giồng Gia súc Hải Dương)

Lưu ý:

Theo nội dung tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quyết toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty TNHH MTV Giồng gia súc Hải Dương, Công ty dùng số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại thời điểm 31/12/2018 (1.931.212.000 đồng) để bù đắp khoản lỗ lũy kế tại thời điểm 31/12/2018.

V. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Giồng gia súc Hải Dương đang quản lý và sử dụng 03 khu đất, với tổng diện tích là 46.447 m². Thông tin cụ thể như sau:

Bảng số 6. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai tại thời điểm 31/12/2018

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất	Căn cứ pháp lý
1	Phường Tứ Mình, TP Hải Dương	2.341,4	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	Trụ sở văn phòng Công ty	Trích lục bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 03 tại phường Tứ Mình, TP.Hải Dương do Văn phòng đăng ký QSDĐ tỉnh Hải Dương lập ngày 10/12/2019
2	Xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	43.702,2	Đất thuê trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất đến ngày 01/9/2029	Xây dựng Trại lợn giồng ngoại ông, bà quy mô 200 con	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 545801 ngày 31/03/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH MTV Giồng Gia súc Hải Dương

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất	Căn cứ pháp lý
3	Khu tập thể cán bộ công nhân viên văn phòng tại phường Tứ Minh, TP Hải Dương	403,4	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	Khu tập thể cán bộ công nhân viên văn phòng	Trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 do Sở TNMT ký ngày 7/12/2007
	Tổng diện tích đất	46.447			

(Nguồn: Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 18/05/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thu hồi đất; chuyển diện tích đất do Công ty TNHH một thành viên Giống gia súc Hải Dương đang quản lý, sử dụng sang hình thức thuê đất tại phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương; Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

2. Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2018 như sau:

Bảng số 7. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị: Đồng

TT	Loại tài sản	Theo sổ kế toán		Xác định lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	37.803.657.419	32.005.993.832	54.527.228.864	44.327.977.487
I	TSCĐ hữu hình	37.803.657.419	32.005.993.832	54.527.228.864	44.327.977.487
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	33.621.728.419	28.580.549.517	50.345.299.864	40.889.821.692
2	Máy móc, thiết bị	3.069.600.000	2.636.962.960	3.069.600.000	2.641.637.960
3	Công cụ dụng cụ	308.441.000	265.951.755	308.441.000	265.951.755
4	Phương tiện vận tải	803.888.000	522.529.600	803.888.000	530.566.080
II	TSCĐ vô hình	0	-	-	-
B	TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG	187.620.000	128.638.444	187.620.000	128.638.444
I	Tài sản cố định không cần dùng	35.000.000	-	35.000.000	-
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	35.000.000	-	35.000.000	-
II	Tài sản cố định thiếu chờ xử lý	152.620.000	128.638.444	152.620.000	128.638.444
1	Máy móc thiết bị	152.620.000	128.638.444	152.620.000	128.638.444

TT	Loại tài sản	Theo sổ kế toán		Xác định lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
C	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	0	-	-	-
	Tổng cộng	37.991.277.419	32.134.632.276	54.714.848.864	44.456.615.931

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

Tại thời điểm 31/12/2019, tình hình tài sản cố định của Công ty không có sự thay đổi lớn. Tổng tài sản cố định đạt 31.761.073.042 đồng theo BCTC kiểm toán 2019, giảm 373.559.234 đồng, tương đương giảm 1,16% so với năm 2018.

Bảng số 8. Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2019

Đơn vị: Đồng

St t	Tài sản	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% GTCL/NG
I	Tài sản cố định hữu hình	39.203.279.419	31.761.073.042	81,02%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	37.024.391.419	30.061.521.587	81,19%
2	Máy móc thiết bị	455.000.000	364.015.245	80,00%
3	Phương tiện vận tải	803.888.000	442.206.605	55,01%
4	TSCĐ khác	55.000.000	28.329.605	51,51%
5	Súc vật, vườn cây lâu năm	865.000.000	865.000.000	100,00%
II	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
	Tổng cộng	39.203.279.419	31.761.073.042	81,02%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2019 Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

2.1 Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc

Bảng số 9. Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị: Đồng

TT	Tên tài sản	KL	Đơn vị tính	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà làm việc 1 tầng	m2	316	316.671.301	-	1.744.014.310	697.605.724
2	Nhà làm việc 3 tầng	m2	508	1.059.066.758	702.191.042	2.914.548.588	2.185.911.441
3	Sân, tường rào, nhà để xe ô tô			202.783.360	54.252.000	411.694.267	221.276.782
3.1	Sân đường	m2	743			216.067.350	114.515.696
3.2	Tường rào	Hạng mục	1			106.150.636	53.075.318
3.3	Nhà để xe ô tô	m2	29			89.476.281	53.685.769
4	Nhà bảo vệ	m2	26	99.488.000	62.180.000	99.488.000	85.559.680
5	Ao chứa nước	Hạng	1	499.213.000	495.053.000	499.213.000	495.053.000

TT	Tên tài sản	KL	Đơn vị tính	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	mặt + bể chứa nước	mục					
6	Mở rộng đường + xây tường quanh ao	Hạng mục	1	428.541.000	426.755.500	428.541.000	426.755.500
7	Trại lợn giống ngoại giai đoạn 2 (các hạng mục phụ trợ)			5.718.797.000	5.032.541.000	6.086.374.289	5.231.168.920
7.1	Khu xử lý nước thải (xử lý môi trường)	Hạng mục	1	2.921.637.624	2.571.040.925	3.110.104.702	2.643.588.997
7.2	Chuồng nuôi lợn chờ xuất	m2	510	1.415.398.063	1.245.550.206	1.503.245.687	1.322.856.204
7.3	Sân đường nội bộ	Hạng mục	1	959.980.313	844.782.615	1.051.242.900	893.556.465
7.4	Chi phí QLDA, tư vấn, khác đã có giảm trừ chênh lệch			421.781.000	371.167.253	421.781.000	371.167.253
8	San lấp mặt bằng và tường rào (Trại lợn nái sinh sản cấp ông bà quy mô 200 con)			1.450.402.000	1.205.275.812	5.724.724.116	5.199.594.086
8.1	Chi phí xây dựng			1.399.925.000	1.163.329.712	5.674.247.116	5.157.647.986
a	San lấp mặt bằng	Hạng mục	1	1.144.511.667	951.082.685	4.641.048.857	4.641.048.857
b	Tường rào	Hạng mục	1	255.413.333	212.247.027	1.033.198.259	516.599.129
8.2	Chi phí khác			50.477.000	41.946.100	50.477.000	41.946.100
9	Trại lợn nái sinh sản cấp ông bà quy mô 200 con (phần xây dựng)			8.400.930.000	6.981.125.043	12.462.208.434	9.093.084.142
9.1	Chuồng lợn đẻ nuôi con	m2	462	1.089.109.461	905.043.767	1.519.756.058	1.094.224.362
9.2	Chuồng lợn nuôi ghép	m2	462	1.023.467.009	850.495.263	1.428.157.813	1.028.273.626
9.3	Chuồng lợn nuôi chờ xuất	m2	462	980.027.182	814.397.014	1.367.541.372	984.629.788

TT	Tên tài sản	KL	Đơn vị tính	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
9.4	Chuồng lợn chữa và chờ phối	m2	462	1.361.686.920	1.131.554.085	1.900.113.826	1.368.081.955
9.5	Kho thức ăn + Xưởng nghiền trộn	m2	228	228.475.724	189.862.027	733.820.757	454.968.869
9.6	Chuồng lợn cách ly	m2	79	84.428.089	70.159.262	241.909.941	149.984.163
9.7	Nhà cân lợn	m2	-	69.692.385	57.913.976	94.160.989	73.445.572
9.8	Nhà thú y + tắm thay quần áo	m2	118	196.183.085	163.027.028	417.104.026	271.117.617
9.9	Nhà chứa phân	m2	40	44.216.684	36.743.813	116.888.465	70.133.079
9.1 0	Nhà làm việc của trại	m2	124	178.390.345	148.241.362	407.812.993	265.078.446
9.1 1	Nhà thường trực + Công chính, phụ	Hạng mục	2	44.783.384	37.214.737	60.580.073	37.559.645
9.1 2	Gara xe đạp, xe máy + Đường dẫn lợn	Hạng mục	2	59.529.921	49.469.026	59.529.921	49.469.026
9.1 3	Đường bê tông + hố khử trùng	Hạng mục	2	326.335.781	271.183.178	472.201.117	297.486.704
9.1 4	Trạm bơm C2 + bể chứa, lắng lọc + đường ống cấp	Hạng mục	1	527.932.106	438.708.577	777.903.267	505.637.124
9.1 5	Đài nước và hệ thống đường ống cấp	Hạng mục	1	271.278.501	225.430.891	399.726.461	259.822.200
9.1 6	Hệ thống thoát nước + Bể phốt + rãnh + Bể biogas	Hạng mục	1	252.808.238	210.082.208	340.661.295	211.210.003
9.1 7	Hệ thống điện	Hạng mục	1	389.989.183	324.078.793	389.989.183	324.078.793
9.1 8	San nền bổ sung	Hạng mục	1	760.970.003	632.361.744	1.222.724.878	1.222.724.878
9.1 9	Chi phí tư vấn đầu tư + đền bù giải phóng mặt bằng + chi khác đã có giám trừ chênh lệch			511.626.000	425.158.296	511.626.000	425.158.296

TT	Tên tài sản	KL	Đơn vị tính	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
10	Trại lợn đực giống ngoại quy mô 150 con (phần xây dựng)			15.445.836.000	13.621.176.121	19.974.493.860	17.253.812.417
10.1	Tường rào + cổng	Hạng mục	1	1.018.664.402	898.326.722	1.018.664.402	898.326.722
10.2	Nhà khử trùng - Cổng ra vào	Hạng mục	1	220.179.258	194.168.865	249.454.068	194.574.173
10.3	Nhà giới thiệu sản phẩm + Làm việc + Trục	m2	151	401.862.443	354.389.307	498.514.266	388.841.128
10.4	Gara xe đạp, xe máy	Hạng mục	1	52.726.661	46.497.913	52.726.661	46.497.913
10.5	Nhà tắm thay quần áo	m2	83	382.017.796	336.888.964	424.124.085	339.299.268
10.6	Kho thức ăn	m2	105	271.831.573	239.719.348	318.974.665	245.610.492
10.7	Đường dẫn lợn	Hạng mục	1	153.444.361	135.317.549	153.444.361	135.317.549
10.8	Chuồng tân đào	m2	118	242.560.499	213.906.147	349.139.003	265.345.642
10.9	Móng xi lô thức ăn	Hạng mục	1	15.060.294	13.281.179	17.075.022	13.318.518
10.10	Chuồng nuôi lợn đực	m2	1,519	3.945.491.158	3.479.399.234	4.258.849.227	3.492.256.366
10.11	Nhà bảo quản và chế biến tinh	m2	131	488.483.901	430.777.929	649.048.640	506.257.939
10.12	Chuồng lợn cách ly	m2	80	164.599.433	145.154.841	245.530.041	186.602.831
10.13	Nhà chứa phân	m2	40	98.520.403	86.881.912	119.213.438	90.602.213
10.14	San nền + Đào bùn, đào bóc hữu cơ			4.213.816.376	3.716.026.442	6.857.132.706	6.605.132.675
a	Phần san nền	Hạng mục	1	2.080.623.662	1.834.833.760	4.723.939.992	4.723.939.992
b	Phần đào bùn, đào bóc hữu cơ phát sinh	Hạng mục	1	2.133.192.714	1.881.192.682	2.133.192.714	1.881.192.682
10.15	Nhà điều hành sản xuất	m2	309	972.825.798	857.903.161	1.770.219.519	1.345.366.835
10.	Đường ống cấp	Hạng	1	289.835.396	255.596.329	343.372.301	274.697.841

TT	Tên tài sản	KL	Đơn vị tính	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
16	nước tổng mặt bằng	mục					
10.17	Hệ thống thoát và xử lý nước thải	Hạng mục	1	836.094.416	737.324.241	836.094.416	737.324.241
10.18	Hệ thống điện hạ thế	Hạng mục	1	109.055.452	96.172.426	109.055.452	96.172.426
10.19	Sân đường	Hạng mục	1	871.342.381	768.408.264	987.908.385	770.568.541
10.20	Bể cứu hỏa phát sinh	Bể	1	19.890.000	17.540.339	38.419.200	24.204.096
10.21	Chi phí QLDA, tư vấn, khác đã có giảm trừ chênh lệch			677.534.000	597.495.010	677.534.000	597.495.010
	Tổng cộng			33.621.728.419	28.580.549.517	50.345.299.864	40.889.821.692

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

2.2 Tình hình phương tiện vận tải

Bảng số 10. Tình hình phương tiện vận tải của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị: đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng (chiếc)	Giá trị sổ sách		Theo đánh giá lại	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Xe ô tô Innova BKS 34A-121.54	01	803.888.000	522.529.600	803.888.000	530.566.080
	TỔNG CỘNG		803.888.000	522.529.600	803.888.000	530.566.080

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

2.3 Tình hình máy móc, thiết bị

Bảng số 11. Thực trạng máy móc, thiết bị của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị: đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng	ĐVT	Giá trị sổ kế toán		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định đang dùng			3.069.600.000	2.636.962.960	3.069.600.000	2.641.637.960
1	Trại lợn giống ngoại quy mô 150 con			1.729.800.000	1.525.453.880	1.729.800.000	1.525.453.880
1.1	Hệ thống phân phối thức ăn tự động dạng xích tải và si lô	2	HT	960.000.000	846.592.510	960.000.000	846.592.510

1.2	Quạt hút gió 36"	12	Chiếc	150.000.000	132.280.080	150.000.000	132.280.080
1.3	Tấm trao đổi nhiệt Coolingpad	32	Tấm	44.800.000	39.507.650	44.800.000	39.507.650
1.4	Bộ điều khiển + Tủ khởi động quạt	2	Bộ	48.000.000	42.329.626	48.000.000	42.329.626
1.5	Máy đếm tinh trùng tự động	1	Chiếc	45.000.000	39.684.024	45.000.000	39.684.024
1.6	Kính hiển vi màn hình Camera	1	Chiếc	91.000.000	80.249.915	91.000.000	80.249.915
1.7	Máy làm ấm nước HH-S8 bằng inox 45 lít	1	Chiếc	43.000.000	37.920.290	43.000.000	37.920.290
1.8	Tủ sấy khử trùng HN101-2 dung tích 110 lít	1	Chiếc	50.000.000	44.093.360	50.000.000	44.093.360
1.9	Tủ bảo ôn IXR-S240E bảo quản tinh 240 lít	1	Chiếc	45.000.000	39.684.024	45.000.000	39.684.024
1.1 0	Máy cất nước 150 lít/ngày	1	Chiếc	85.000.000	74.958.712	85.000.000	74.958.712
1.1 1	Hộp vận chuyển liều tinh đi xa CT-32-12, dung tích 32 lít	2	Chiếc	40.000.000	35.274.688	40.000.000	35.274.688
1.1 2	Máy hàn tuýp nhựa 4 tuýp	1	Chiếc	45.000.000	39.684.024	45.000.000	39.684.024
1.1 3	Chi phí chạy thử	1	Cái	83.000.000	73.194.977	83.000.000	73.194.977
2	Trại lợn giống ngoại ông bà 200 con nái			829.800.000	689.559.080	829.800.000	689.559.080
2.1	Quạt hút VKX-100T-050	4	Chiếc	33.200.000	27.589.011	33.200.000	27.589.011
2.2	Hệ thống phân phối thức ăn tự động cho lợn chửa và chờ phối	1	HT	340.000.000	282.538.066	340.000.000	282.538.066
2.3	Quạt hút VKX-100T-050	4	Chiếc	33.200.000	27.589.011	33.200.000	27.589.011
2.4	Tấm sàn nhựa (0.4m x 0.6m) cho lợn con	144	m2	129.600.000	107.696.863	129.600.000	107.696.863
2.5	Máng ăn lợn tần đảo+ lợn con sau cai sữa Inox	35	Cái	49.000.000	40.718.721	49.000.000	40.718.721
2.6	Dầm đỡ sàn nhựa cho lợn con sau cai sữa	816	m	244.800.000	203.427.407	244.800.000	203.427.407

3	Máy phát điện	1	Cái	455.000.000	386.750.000	455.000.000	386.750.000
4	Máy photocopy	1	Cái	55.000.000	35.200.000	55.000.000	39.875.000
	Tổng cộng			3.069.600.000	2.636.962.960	3.069.600.000	2.641.637.960

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

2.4 Tình hình công cụ, dụng cụ

Bảng số 12. Thực trạng công cụ, dụng cụ của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị: đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng	ĐVT	Giá trị sổ kế toán		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định đang dùng			308.441.000	265.951.755	308.441.000	265.951.755
1	Trại lợn giống ngoại quy mô 150 con			189.473.000	167.090.024	189.473.000	167.090.024
1.1	Máy bơm nước + Tủ khởi động, - Công suất: 1.5HP-50Hz	2	Chiếc	22.000.000	19.401.078	22.000.000	19.401.078
1.2	Khung máng nước Inox	30	m2	28.500.000	25.133.215	28.500.000	25.133.215
1.3	Dây điện, các phụ kiện cho toàn bộ hệ thống làm mát	2	Bộ	8.000.000	7.054.938	8.000.000	7.054.938
1.4	Giá nhảy lưu động Kích thước: 112x52x25cm Trọng lượng: 25kg	1	Chiếc	6.800.000	5.996.697	6.800.000	5.996.697
1.5	Giá nhảy cố định	2	Chiếc	27.000.000	23.810.414	27.000.000	23.810.414
1.6	Thảm trải trong khu vực khai thác tinh	2	Chiếc	10.000.000	8.818.672	10.000.000	8.818.672
1.7	Cốc thu tinh giữ nhiệt Dung tích: 800ml	6	Chiếc	2.100.000	1.851.921	2.100.000	1.851.921
1.8	Cân điện tử 5000g, độ sai số 0.01g - Dùng để cân môi trường pha tinh, hiển thị màn hình LCD	1	Chiếc	5.000.000	4.409.336	5.000.000	4.409.336
1.9	Pipel tự động 1 ml	1	Chiếc	6.000.000	5.291.203	6.000.000	5.291.203
1.10	Buồng đếm Bucker có 2 kẹp S	2	Chiếc	2.400.000	2.116.481	2.400.000	2.116.481
1.11	Ống đông hình trụ 250ml	2	Chiếc	600.000	529.120	600.000	529.120
1.12	Ống đông hình trụ 1000ml	2	Chiếc	1.300.000	1.146.427	1.300.000	1.146.427
1.13	Giá để ống thí nghiệm	4	Chiếc	1.200.000	1.058.241	1.200.000	1.058.241
1.14	Ống nghiệm	500	Chiếc	10.000.000	8.818.672	10.000.000	8.818.672
1.15	Pipel thủy tinh 1ml	1	Chiếc	40.000	35.275	40.000	35.275
1.16	Pipel thủy tinh 5ml	1	Chiếc	40.000	35.275	40.000	35.275

1.17	Máy khuấy từ tự làm nóng 85-2	1	Chiếc	19.000.000	16.755.477	19.000.000	16.755.477
1.18	Nhiệt kế cho máy làm ấm nước	5	Chiếc	1.000.000	881.867	1.000.000	881.867
1.19	Giá đỡ tuýp nhựa 4 tuýp	1	Chiếc	2.000.000	1.763.734	2.000.000	1.763.734
1.20	Bình tam giác 2000ml	2	Chiếc	1.200.000	1.058.241	1.200.000	1.058.241
1.21	Bình tam giác 3000ml	4	Chiếc	4.800.000	4.232.963	4.800.000	4.232.963
1.22	Bình tam giác 5000ml	4	Chiếc	5.600.000	4.938.456	5.600.000	4.938.456
1.23	Bình nhựa pha chế 3000ml	6	Chiếc	1.800.000	1.587.361	1.800.000	1.587.361
1.24	Bình nhựa pha chế 1000ml	5	Chiếc	2.500.000	2.204.668	2.500.000	2.204.668
1.25	Bình pha dung dịch 100ml có nút	5	Chiếc	2.000.000	1.763.734	2.000.000	1.763.734
1.26	Nhiệt kế cho máy làm ấm nước	3	Chiếc	600.000	529.120	600.000	529.120
1.27	Giá đỡ đồ thủy tinh	1	Chiếc	4.000.000	3.527.469	4.000.000	3.527.469
1.28	Chi phí xây dựng cơ bản	1	Cái	13.993.000	12.339.968	13.993.000	12.339.968
2	Trại lợn giống ngoại ông bà 200 con nái			118.968.000	98.861.731	118.968.000	98.861.731
2.1	Tấm trao đổi nhiệt Coolingpad	16	Tấm	20.000.000	16.619.886	20.000.000	16.619.886
2.2	Khung máng nước Inox	16	m2	4.000.000	3.323.977	4.000.000	3.323.977
2.3	Bộ điều khiển nhiệt VK-8R	1	Bộ	9.680.000	8.044.025	9.680.000	8.044.025
2.4	Máy bơm nước 2HP-380V-50Hz	1	Chiếc	4.500.000	3.739.474	4.500.000	3.739.474
2.5	Tấm trao đổi nhiệt cooling pad	16	Tấm	20.000.000	16.619.886	20.000.000	16.619.886
2.6	Khung máng nước Inox	16	m2	4.000.000	3.323.977	4.000.000	3.323.977
2.7	Bộ điều khiển nhiệt VK-8R	1	Bộ	9.680.000	8.044.025	9.680.000	8.044.025
2.8	Máy bơm	1	Chiếc	4.500.000	3.739.474	4.500.000	3.739.474
2.9	Bóng đèn sưởi nóng ngoại Intel Heat 175w và 250w	50	Chiếc	4.000.000	3.323.977	4.000.000	3.323.977
2.10	Chụp đèn sưởi Intel Heat bằng nhôm	50	Chiếc	2.500.000	2.077.486	2.500.000	2.077.486
2.11	Đui đèn bằng sứ	50	Chiếc	1.000.000	830.994	1.000.000	830.994
2.12	Máng ăn lợn mẹ Inox	50	Chiếc	8.500.000	7.063.452	8.500.000	7.063.452
2.13	Máng ăn nhựa lợn con tập ăn theo mẹ	50	Cái	2.200.000	1.828.187	2.200.000	1.828.187
2.14	Máng ăn lợn đực + Hậu bị	15	Chiếc	2.550.000	2.119.035	2.550.000	2.119.035

2.15	Máng ăn Inox	15	Chiếc	2.550.000	2.119.035	2.550.000	2.119.035
2.16	Máng ăn lợn cách ly Inox	5	Chiếc	850.000	706.345	850.000	706.345
2.17	Cân điện tử 300 kg x 50 kg	1	Chiếc	10.365.894	8.613.999	10.365.894	8.613.999
2.18	Bộ máy vi tính	1	Bộ	7.542.450	6.267.733	7.542.450	6.267.733
2.19	Máy in Laser HP 1020 (A4/14ppml/1200 dpi)	1	Chiếc	2.400.000	1.994.386	2.400.000	1.994.386
2.20	Cửa sổ nhôm kính tung Khang	1	m2	495.000	411.342	495.000	411.342
2.21	Giảm trừ giá trị quyết toán			(2.345.344)	(1.948.968)	(2.345.344)	(1.948.968)
	TỔNG CỘNG			308.441.000	265.951.755	308.441.000	265.951.755

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

VI. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON

Không có.

VII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 03 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Một số vấn đề cần lưu ý khi tham khảo các số liệu tài chính trong BCTC kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 của Công ty

1.1 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Công ty đang thực hiện hạch toán giảm nguồn vốn khác tương ứng với khoản chi phí sửa chữa chuồng lợn phát sinh trong năm 2017 với tổng số tiền là 1.002.815.500 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa có Quyết định phê duyệt chính thức của chủ sở hữu vốn là Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc sử dụng nguồn vốn khác phục vụ cho công tác sửa chữa này.

Số liệu đầu năm 2017 trên Báo cáo tài chính có sự thay đổi là do điều chỉnh hồi tố theo Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quyết toán năm 2016 cho Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương.

1.2 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Giống gia

súc Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số liệu đầu năm 2018 trên Báo cáo tài chính có sự thay đổi là do điều chỉnh hồi tố theo Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quyết toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương.

1.3 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Số liệu đầu năm 2019 trên Báo cáo tài chính có sự thay đổi là do điều chỉnh hồi tố theo Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 12/04/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quyết toán năm 2018 cho Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương và Quyết định số 4190/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quyết toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong năm 2019, Sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn như khủng hoảng, bão giá đối với ngành chăn nuôi lợn, tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc vẫn diễn biến phức tạp, nhất là dịch tả lợn châu Phi từ đầu năm, tổng đàn lợn của Việt Nam đã phải tiêu hủy trên 20%, đã làm ngành chăn nuôi bị thiệt hại nặng nề, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác sản xuất tinh lợn. Xét tổng thể, trong giai đoạn 2017 – 2019, Công ty đạt được những kết quả như sau:

2.1 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng số 13. Cơ cấu doanh thu thuần trước cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần bán hàng	12.935	97,7	12.567	97,6	5.204	96,1
2	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	307	2,3	307	2,4	209	3,9

Tổng cộng	13.242	100	12.874	100	5.413	100
------------------	---------------	------------	---------------	------------	--------------	------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 của Công ty)

Tổng doanh thu thuần của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương có sự sụt giảm mạnh trong giai đoạn năm 2019, giảm từ 12.874 triệu đồng năm 2018 xuống còn 5.413 triệu đồng, nguyên nhân chủ yếu đến từ dịch tả lợn châu Phi từ đầu năm 2019.

Nguồn doanh thu thuần của Công ty đến chủ yếu từ hoạt động chăn nuôi lợn (Bao gồm: Chăn nuôi lợn đực giống, chăn nuôi lợn nái sinh sản, lợn thịt) và sản xuất, cung ứng liệu tinh dịch lợn, lần lượt chiếm tỷ trọng 97,7%, 97,6% và 96,1% trong tổng doanh thu thuần. Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác chăn nuôi lợn, chiếm tỷ trọng từ 2-4% tổng doanh thu thuần.

Lợi nhuận gộp của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương hoàn toàn đến từ hoạt động chăn nuôi lợn. Hoạt động đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và hoạt động cung ứng liệu tinh dịch lợn, Công ty thực hiện thu, chi theo đúng dự toán đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt nên không phát sinh lợi nhuận.

Bảng số 14. Cơ cấu lợi nhuận gộp trước cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng	(1.009)	100,0	2.608	100,0	(1.555)	100,0
2	Lợi nhuận gộp cung cấp từ dịch vụ	0	0,0	0	0,0	0	0,0
Tổng cộng		(1.009)	100	2.608	100	(1.555)	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 của Công ty)

2.2 Nguyên vật liệu

• Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh chính của công ty chủ yếu là chăn nuôi lợn, do vậy nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn thức ăn chăn nuôi như ngô, đậu nành và chi phí mua lợn giống, thuốc thú y.

Phần lớn nguồn thức ăn chăn nuôi được sản xuất trong nước nên chi phí cũng được tiết giảm đáng kể. Hiện nay, thị trường cung cấp nội địa thức ăn chăn nuôi rất phát triển, do vậy Công ty rất dễ lựa chọn được các đối tác với nguồn thức ăn chăn nuôi ổn định và chi phí hợp lý trên thị trường.

• Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Trong giá thành sản phẩm, thức ăn chăn nuôi và chi phí lợn giống chiếm 80%-90% cơ cấu giá thành sản phẩm nên sự biến động của nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong trường hợp giá thành

thức ăn nhập mua tăng lên sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến chi phí chăn nuôi, đồng thời làm giảm đáng kể đến lợi nhuận của Công ty. Để đảm bảo hoạt động kinh doanh, Công ty luôn chủ động, hoạch định các kế hoạch chăn nuôi để trên cơ sở đó ký các hợp đồng mua thức ăn, lợn giống sớm trước và có sự hợp tác chặt chẽ với các nhà máy sản xuất thức ăn và các bạn hàng lâu năm của doanh nghiệp. Danh sách nhà cung cấp của Công ty phải kể đến Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco (Cung cấp cám chăn nuôi), Công ty Minh Dũng, Công ty Amavet (Cung cấp thuốc thú y).

2.3 Chi phí sản xuất

Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực cung cấp giống gia súc (lợn giống, lợn thịt, gia cầm...) cho các hộ dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Hoạt động này chiếm chủ yếu trong doanh thu của Công ty.

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu thuần qua các năm 2017, 2018, 2019 như sau:

Bảng số 15. Cơ cấu chi phí của Công ty giai đoạn 2017 - 2019

ST T	Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	14.252	107,6	10.266	79,7	6.969	128,7
2	Chi phí QLDN	1.492	11,3	1.458	11,3	1.007	18,6
3	Chi phí bán hàng	2.551	19,3	2.569	20,0	1.360	25,1
4	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
5	Chi phí khác	464	3,5	399	3,1	2.997	55,4
Tổng chi phí		18.759	141,7	14.692	114,1	12.333	227,8
Tổng doanh thu thuần		13.242	100,0	12.874	100,0	5.413	100,0

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 của Công ty)

Năm 2017 là thời điểm nguồn cung nhiều, giá giảm sâu nên doanh thu nhỏ hơn chi phí giá vốn, giá vốn hàng bán chiếm 107,6% doanh thu thuần.

Năm 2019, do dịch tả lợn châu Phi nên từ cuối tháng 4 Công ty ngừng sản xuất tinh dịch lợn, đây là mảng kinh doanh cho biên lợi nhuận gộp tốt hơn so với mảng chăn nuôi lợn. Do Công ty không có doanh thu ở mảng sản xuất tinh dịch lợn và số lượng lợn giống chết nhiều nên tổng giá vốn hàng bán cao hơn tổng doanh thu thuần, giá vốn hàng bán chiếm 128,7% doanh thu thuần.

2.4 Trình độ công nghệ

Việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện chưa đáp ứng được các hoạt động của Công ty, từ các hoạt động thường xuyên của khối văn phòng Công ty đến các cơ sở sản xuất. Sự liên kết, trao đổi thông tin nội bộ chưa thực sự nhanh chóng, không thuận lợi cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả, quản lý, điều hành sản xuất,

hay hiệu quả sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo của Công ty nhận thức rõ được vai trò to lớn với công nghệ thông tin trong công tác điều hành và quản lý sản xuất, Công ty vạch ra kế hoạch để tiến hành hiện đại hóa công tác quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh bằng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại.

2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hiện nay, Phòng sản xuất của Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý sản xuất cung ứng liều tinh dịch lợn theo ISO 9001: 2015, từng bước xây dựng các quy trình áp dụng cho chăn nuôi nhằm đảm bảo quản lý được chất lượng sản phẩm. Dự kiến sau khi hoàn tất xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, Công ty sẽ áp dụng tối đa vào toàn bộ các công đoạn sản xuất chăn nuôi.

2.6. Hoạt động Marketing

Do tính chất đặc thù ngành nghề kinh doanh, Công ty chưa đẩy mạnh hoạt động marketing. Công ty hiện đang từng bước củng cố và mở rộng quan hệ đối với các đơn vị trong ngành, mở rộng mạng lưới và đại lý trong địa bàn tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận, tích cực đàm phán, tìm kiếm bạn hàng, xử lý các vấn đề liên quan và chỉ đạo sát sao tiến độ các dự án của Công ty trên mọi lĩnh vực.

2.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Với đặc thù là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp giống gia súc cho ngành chăn nuôi của tỉnh, Công ty luôn chú trọng phát triển thương hiệu, gia tăng khách hàng. Chính vì vậy, Công ty đã đăng ký nhân hiệu, hình ảnh logo từ nhiều năm nay.



2.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Công ty đã và đang thực hiện hợp đồng cung cấp lợn giống cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh Hải Dương, trong đó phải kể đến Trung tâm Giống vật nuôi Vĩnh Phúc, Công ty cổ phần Giống vật nuôi Hà Nội, Công ty cổ phần Giống vật nuôi Bắc Giang, Trung tâm giống vật nuôi Thái Nguyên. Công ty trực tiếp cung cấp lợn giống có sẵn theo nhu cầu đặt hàng của đối tác, do đó thời gian hoàn tất hợp đồng tương đối ngắn, từ 1-2 tháng. Giá trị hợp đồng phụ thuộc vào số lượng đặt hàng và tình hình thị trường, giá trị hợp đồng thường nhỏ, dao động từ 10 – 100 triệu đồng/hợp đồng.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương cung ứng liều tinh dịch lợn cho các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương, nhằm thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

2.9. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 – 2019

Bảng số 16. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2017 – 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	41.244	40.615	38.072
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán (Vốn chủ sở hữu, không bao gồm nguồn kinh phí & quỹ khác)	Triệu đồng	38.556	39.890	34.711
3. Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	1.048	724	71
Trong đó: Nợ quá hạn	Triệu đồng	-	-	-
4. Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Trong đó: Nợ quá hạn	Triệu đồng	-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	-	-	-
6. Tổng số lao động	Người	39	28	28
7. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	3.511	2.588	1.897
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng/người	7,5	7,7	5,6
9. Tổng doanh thu	Triệu đồng	15.270	13.801	7.283
10. Tổng chi phí	Triệu đồng	18.758	14.692	12.333
11. Lợi nhuận thực hiện (LN trước thuế)	Triệu đồng	(3.488)	(892)	(5.050)
12. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(3.488)	(892)	(5.050)
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước bình quân	%	(8,55)	(2,27)	(13,54)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018, 2019 của Công ty)

Trong giai đoạn 2017 – 2019, lợi nhuận sau thuế của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương đều âm (lần lượt là -3.488 triệu đồng, -892 triệu đồng và -5.050 triệu đồng). Nguyên nhân đến từ nhiều yếu tố khách quan ảnh hưởng đến giá thịt lợn, trong đó phải kể đến khủng hoảng thừa cung và dịch tả lợn Châu Phi.

Năm 2017, giá thịt lợn giảm mạnh do cung vượt cầu nhiều. Doanh thu của Công ty đạt 15.270 triệu đồng nhưng chi phí lên tới 18.758 triệu đồng, khiến lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp bị âm tới 3.488 triệu đồng.

Sau khủng hoảng thừa năm 2017, ngành chăn nuôi mới bắt đầu hồi phục từ quý II năm 2018 thì đến tháng 2 năm 2019, ngành chăn nuôi lợn lại phải đối mặt với cơn khủng hoảng lớn khi dịch tả lợn châu Phi xuất hiện và lan rộng ra 63 tỉnh thành trên cả nước. Tác động kép từ đợt giảm giá kéo dài và dịch tả lợn Châu Phi, lợi nhuận sau

thuế năm 2018, 2019 của doanh nghiệp tiếp tục âm, lần lượt -892 triệu đồng và -5.050 triệu đồng.

Bảng số 17. Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2019

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Giá trị
❖ Vốn chủ sở hữu	34.711.256.898
Trong đó:	
- Vốn góp của chủ sở hữu	40.698.272.130
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(128.638.444)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(5.858.376.788)
❖ Các khoản phải thu	182.700.000
- Phải thu ngắn hạn	2.700.000
- Phải thu dài hạn	180.000.000
❖ Nợ phải trả	71.169.016
- Nợ ngắn hạn	71.169.016
- Nợ dài hạn	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

✚ Thuận lợi:

- Do nền kinh tế ngày càng phát triển nên nhu cầu cung cấp thịt gia súc tăng, dẫn đến nhu cầu về cung cấp con giống cho các trang trại chăn nuôi càng lớn. Với uy tín và kinh nghiệm lâu năm nên doanh nghiệp luôn duy trì lượng khách hàng cũ và không ngừng gia tăng số lượng, chất lượng khách hàng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn theo đúng chiến lược kinh doanh của Công ty đã đề ra.
- Sự đoàn kết, thống nhất của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và sự đồng thuận của toàn thể cán bộ lao động trong Công ty.
- Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi với mức thuế suất 10% tính trên thu nhập từ sản xuất, nhân và lai tạo giống vật nuôi trong suốt thời gian hoạt động theo quy định tại Điều 19 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014.

✚ Khó khăn:

- Hiện nay cơ sở sản xuất, chăn nuôi của ngành nông nghiệp nói chung vẫn còn thô sơ và lạc hậu.
- Tình hình dịch bệnh trong những năm gần đây bùng phát ở nhiều nơi, ảnh hưởng đến việc sản xuất chăn nuôi của Công ty.
- Giá thức ăn chăn nuôi, thuốc, các loại vắc xin của ngành chăn nuôi còn cao, trong khi đó giá thành sản phẩm lại thấp.
- Việc nghiên cứu, chế tạo các loại giống mới có năng suất cao chưa tốt, còn tồn tại nhiều hạn chế.

VIII. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giống và chăn nuôi gia súc, trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương. Công ty đang thực hiện việc cung cấp nguồn con giống cho hộ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Trải qua thời gian dài hình thành và phát triển, từ sự cố gắng phấn đấu của mỗi cá nhân trong tập thể cán bộ Công ty, cho đến nay, Công ty đã tạo dựng được thương hiệu của Công ty đối với ngành nông nghiệp của tỉnh Hải Dương. Trong thời gian vừa qua được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở ban ngành địa phương, Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương đã có những thành công nhất định.

Công ty được UBND tỉnh tín nhiệm giao cho các dự án nghiên cứu ứng dụng về nông nghiệp, về con giống, do đó, có điều kiện phát triển các ngành nghề kinh doanh, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, có điều kiện để tham gia các dự án lớn, tiếp cận với công nghệ kỹ thuật, đây là một lợi thế của công ty so với các công ty khác trong ngành.

2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành chăn nuôi được coi là lĩnh vực mũi nhọn của ngành nông nghiệp. Đối với chăn nuôi, Chính phủ Việt Nam đã xác định “Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020” và xây dựng Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2020 – 2030, tầm nhìn 2040”, do đó chăn nuôi sẽ có nhiều cơ hội, cũng như động lực để tăng trưởng mạnh trong tương lai.

Sản xuất thịt lợn vẫn luôn là ngành hàng thịt chủ lực và truyền thống lâu đời tại Việt Nam, là thế mạnh của ngành chăn nuôi nước ta. Thịt lợn vẫn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tiêu dùng của người Việt. Chăn nuôi lợn đang có xu hướng dịch chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi trang trại, tập trung và hình thành chuỗi giá trị chăn nuôi.

3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới. Thông qua việc chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, Công ty sẽ huy động được các nguồn lực trong xã hội cả về vốn lẫn nhân lực từ mọi tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước. Các pháp nhân, cá nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp giúp đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp, tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

IX. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ hội

Lãi suất ngân hàng có xu hướng giảm cũng như một số chính sách vĩ mô khác được Chính phủ xem là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc kiểm soát và ổn định nền kinh tế là một điều kiện tốt cho hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình kinh tế, xã hội.

2. Thách thức

Cũng như các Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần khác, Công ty đã được thành lập và hoạt động dưới mô hình do Nhà nước sở hữu 100% vốn nhà nước, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc vào chủ sở hữu. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hoá, đặc biệt là sự xáo trộn, thay đổi lớn trong phương thức quản trị điều hành của Công ty, đòi hỏi có một khoảng thời gian cho việc thích nghi.

Hiện nay, xu hướng công nghiệp phát triển mạnh ở các khu vực lân cận đã thu hút số lượng lớn lao động phổ thông, điều này gây khó khăn cho công ty trong việc huy động lao động, làm tăng chi phí thuê nhân công ngoài.

3. Mục tiêu

- Xây dựng Công ty Cổ phần Giống gia súc Hải Dương mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm tốt, sức cạnh tranh cao hơn.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi. Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp.
- Nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặt hàng của các đối tác. Thông qua hợp tác đầu tư để nâng cao trình độ quản lý.
- Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động.
- Định hình và phát triển văn hóa Công ty theo mô hình Công ty cổ phần.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và khuyến khích các hoạt động sáng tạo để đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đưa vị thế doanh nghiệp lên tầm cao hơn, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế.
- Rà soát lại tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty để có giải pháp kịp thời tiếp tục phát huy các ngành nghề sẵn có đã và đang đem lại hiệu quả như: Chăn nuôi lợn: chăn nuôi lợn đực giống, chăn nuôi lợn nái sinh sản, lợn thịt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi: Sản xuất và cung ứng liều tinh dịch lợn, truyền tinh nhân tại lợn trâu bò.

4. Kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá

Sau khi Cổ phần hóa, Công ty đặt ra cho mình những định hướng phát triển toàn

diện về mọi mặt. Công ty dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động và tầm ảnh hưởng ra các vùng lân cận, không chỉ tập trung tại khu vực tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, Công ty sẽ chú trọng việc phát triển thêm các ngành nghề mới ngoài các ngành nghề chính hiện nay. Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển, kinh doanh phù hợp với tình hình Công ty và địa phương. Tích cực nghiên cứu các ứng dụng, đổi mới công nghệ tiên tiến trong sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ tập trung xây dựng kế hoạch sử dụng vốn đầu tư hợp lý và có những chính sách thu hút các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước tham gia để mở rộng quy mô hoạt động.

5. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 5 năm sau cổ phần hóa

Sau khi cổ phần hóa, mục tiêu quan trọng nhất Công ty là đổi mới và củng cố lại quản trị Công ty, sắp xếp lại nhân sự các phòng ban, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và giải quyết việc làm cho người lao động. Công ty hiện không có kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản trong 5 năm tới.

Bảng số 18. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Các chỉ tiêu kế hoạch				
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	37.830	37.830	37.830	37.830	37.830
2	Tổng số lao động	Người	22	22	22	22	22
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	2.172	2.259	2.350	2.455	2.587
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đồng	8,23	8,56	8,90	9,30	9,80
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	14.745	15.334	15.948	16.886	18.249
6	Tổng chi phí	Tr.đồng	14.450	14.568	15.150	15.227	15.662
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	295	767	797	1.659	2.587
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	236	613	638	1.327	2.070
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%/MG	-	-	-	1%	2%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương)

6. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa

6.1 Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này sẽ tạo ra tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý.

Trên cơ sở Điều lệ được thông qua, Công ty sẽ hoàn thiện các quy chế, quy trình phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và cán bộ công nhân viên. Trong đó, Công ty sẽ ưu tiên xây dựng quy chế trả lương và quy chế quản lý tài chính nội bộ. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty; tiếp

tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức công ty cổ phần không có vốn Nhà nước chi phối, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.

Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiến tạo bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Có chính sách khen thưởng kịp thời những sáng kiến làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.2 Giải pháp về nhân sự và bộ máy Công ty

Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT), Ban Kiểm Soát và Ban Giám đốc. Việc thành lập HĐQT, Ban Kiểm Soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về Công ty cổ phần; Cơ sở hoạt động của Công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang Công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố nhân sự một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng hệ thống bảng lương chức danh đúng với năng lực trình độ của CBCNV nhằm có cơ sở phân phối thu nhập phù hợp với việc sử dụng lao động. Cơ sở này sẽ tạo nên động lực lớn để các cá nhân trong tổ chức phấn đấu, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao đồng thời cũng nâng cao thu nhập của CBCNV giúp cuộc sống của họ được ổn định hơn.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ từ cán bộ quản lý đến người lao động bằng các biện pháp tuyển dụng lao động trẻ, có trình độ, tay nghề và phẩm chất tốt về làm việc.

Sử dụng các chế độ đãi ngộ xứng đáng và tạo các mục tiêu phấn đấu cho người lao động. Nâng cao trình độ nhận thức, tay nghề cho công nhân lao động trực tiếp bằng các đợt tập huấn, nâng bậc. Đào tạo đội ngũ công nhân trẻ để thay thế cho những người không đảm bảo được yêu cầu công việc. Tạo môi trường cạnh tranh trong Công ty để toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động luôn luôn phải cố gắng tự học hỏi nâng cao trình độ nếu không muốn bị đào thải.

- Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách với người lao động như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Trên cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, những chính sách đãi ngộ phổ biến tại các công ty cổ phần hiện nay như: phát hành cổ phiếu giá ưu đãi - cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên có thể được đưa ra xem xét tạo động lực, khuyến khích tinh thần làm việc cho người lao động

6.3 Giải pháp về quản lý nguồn vốn và tài chính

Để thực hiện kế hoạch ổn định và phát triển của Công ty cổ phần trong giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ đầu tư cho một số phần việc cụ thể sau:

- Tiếp tục duy trì năng lực hiện có của Công ty để đảm quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn sau quá trình cổ phần hóa. Đồng thời tiến hành lộ trình tái cơ cấu nguồn vốn dần dần trong khoảng từ 3 – 5 năm, đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng tự chủ về tài chính là tối ưu nhất. Trên cơ sở xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, quản lý dòng tiền cũng như chiến lược phù hợp để có thể nâng cao uy tín cũng như thương hiệu của Công ty sau cổ phần hóa;

- Đối với công tác theo dõi công nợ: Công ty sẽ tăng cường những biện pháp quản lý theo dõi nợ phải thu. Rà soát, kiểm tra đốc thúc thu hồi công nợ nhằm đảm bảo sự luân chuyển tốt và nâng cao tốc độ quay vòng vốn lưu động cho Công ty. Với các khoản nợ phải trả thì cần phải rà soát ưu tiên cho việc thanh toán và trả các khoản nợ đến hạn, cơ cấu lại các khoản nợ theo lộ trình, cam kết, từng bước hoàn thiện các cân cân về tỷ số tài chính.

- Đối với hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh: Thực hiện việc thanh lý các tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc lạc hậu, xây dựng, cải tạo, mở rộng quy mô nhà xưởng chế biến, đầu tư và mua sắm máy móc, thiết bị đảm bảo chất lượng, hiện đại phục vụ hoạt động sản xuất.

- Đối với quá trình kiểm soát chi phí: Triển khai các biện pháp xây dựng dự toán chi phí, định mức nguyên nhiên liệu, nhân công. Xây dựng các qui chế quản lý về chi phí, đảm bảo các định mức sản xuất phù hợp. Tiến hành xây dựng và ban hành qui chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tiết kiệm chi phí, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu từ đó để giảm giá thành sản xuất, nâng cao lợi nhuận, tăng cường sức cạnh tranh, thực hiện các chính sách thưởng, phạt trong việc thực hiện tiết kiệm chi phí, tuyên truyền, phổ biến thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty.

6.4 Giải pháp về khoa học công nghệ

Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị, phương tiện chuyên dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất. Nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ, từng bước nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều

năng lượng.

X. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên Công ty viết : Công ty cổ phần Giống gia súc Hải Dương bằng tiếng Việt
- Tên Công ty viết : HD BREED CATTLE.,JSC tắt
- Tên Công ty viết : Hai Duong Breed Cattle Joint Stock Company tắt bằng tiếng anh
- Mã Chứng khoán : GHD dự kiến
- Trụ sở chính : Km 4+500 đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tứ Minh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại : 02203.890328
- Fax : 02203.890328
- Email : gionggiasuchd@gmail.com

2. Ngành nghề kinh doanh

Sau khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần, Công ty dự kiến sẽ phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh; đồng thời sẽ thừa kế các ngành nghề kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800011667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 02/03/2015, thay đổi lần thứ nhất vào ngày 19/03/2018. Cụ thể như sau:

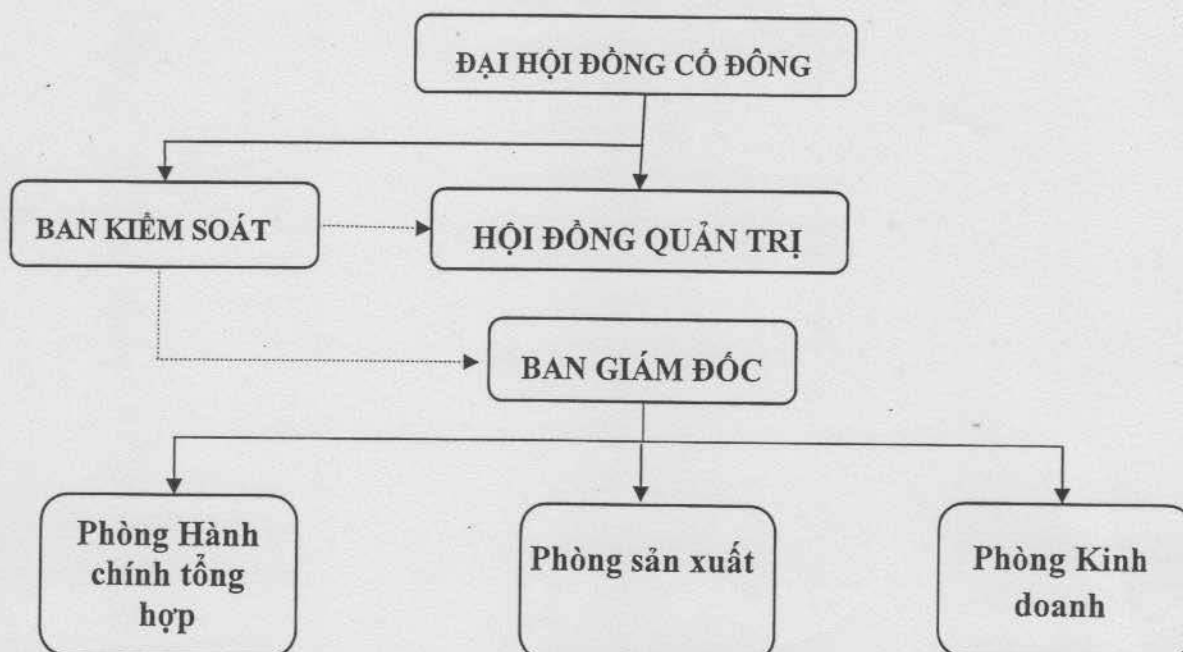
Bảng số 19. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chăn nuôi lợn Chi tiết: Chăn nuôi lợn đực giống, chăn nuôi lợn nái sinh sản, lợn thịt.	0145
2	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi Chi tiết: Sản xuất và cung ứng liệu tinh dịch lợn, truyền tinh nhân tạo lợn, trâu, bò.	0162
3	Chế biến thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản	1080
4	Hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật ngành chăn nuôi, thú y.	7490
5	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn con giống gia súc, gia cầm	4620

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa

Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa



(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương)

Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, biểu quyết và quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc:

Giám đốc do Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ hoặc ký hợp đồng thuê; Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày tại doanh nghiệp. Giám đốc Công ty do Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng kỷ luật theo quy định hiện hành. Trong trường hợp, Chủ tịch HĐQT chưa bổ nhiệm được Giám đốc Công ty thì được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc sau khi Hội đồng quản trị chấp thuận để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Giám đốc; giúp việc cho Giám đốc là các Phó giám đốc chuyên môn.

Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc:

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc do Giám đốc quyết định.

XI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT SAU CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 18/05/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thu hồi đất, chuyển diện tích đất do Công ty TNHH một thành viên Giống gia súc Hải Dương đang quản lý, sử dụng sang hình thức thuê đất tại phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương; Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 16/06/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương, phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa cụ thể như sau:

Bảng số 20. Diện tích đất Công ty giữ lại quản lý, sử dụng sau cổ phần hóa

TT	Địa chỉ khu đất	Diện tích đất (m ²)	Căn cứ pháp lý	Hiện trạng sử dụng đất	Phương án sử dụng đất	
					Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng
1	Phường Tứ Minh, TP Hải Dương	2.341,4	Trích lục bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 03 tại phường Tứ Minh, TP.Hải Dương do Văn phòng đăng ký QSDĐ tỉnh Hải Dương lập ngày 10/12/2019	Xây dựng trụ sở làm việc (Văn phòng công ty)	Thuê đất trả tiền hàng năm (25 năm), đến ngày 28/5/2045	Tiếp tục sử dụng làm Văn phòng Công ty
2	Xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	43.702,2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 545801 ngày 31/03/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp cho Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương	Xây dựng Trại lợn giống ngoại ông, bà quy mô 200 con	Thuê đất trả tiền hàng năm, thời hạn thuê đất đến ngày 01/9/2029	Xây dựng Trại nuôi lợn giống ông, bà quy mô 200 con
Tổng cộng		46.043,6				

(Nguồn: Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương)

Bảng số 21. Diện tích đất Công ty trả lại địa phương sau cổ phần hóa

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Trong đó (ha)		
			Đôi ra do	Không sử	Đất có

			thu hẹp nhiệm vụ	dụng	tranh chấp, lấn chiếm
1	Khu tập thể cán bộ công nhân viên văn phòng tại phường Tứ Minh, TP Hải Dương	403,4	-	403,4	-
	TỔNG CỘNG	403,4	-	403,4	-

(Nguồn: Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giồng gia súc Hải Dương)

XII. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Điều 1 Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Giồng gia súc Hải Dương;

Hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giồng gia súc Hải Dương là:
“Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ”.

2. Quy mô vốn điều lệ

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2018: 37.830.748.812 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, tám trăm ba mươi triệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm mười hai đồng)

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 33 Nghị định 126/2017/NĐ-CP: Căn cứ giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại doanh nghiệp cổ phần hóa và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các năm sau khi chuyển thành công ty cổ phần, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định quy mô vốn điều lệ”

- Quyết định số 4852/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Giồng gia súc Hải Dương

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa;
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty

- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

Theo đó:

- Vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần là: 37.830.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, tám trăm ba mươi triệu đồng), trong đó, Nhà nước nắm

giữ 35,00% vốn điều lệ.

- Mệnh giá của mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng số cổ phần: 3.783.000 cổ phần.

3. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

Bảng số 22. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa

Stt	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Nhà nước	1.324.000	13.240.000.000	35,00
2	Bán cho người lao động trong doanh nghiệp, bao gồm:	44.300	443.000.000	1,17
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước	44.300	443.000.000	1,17
2.2	Cổ phần bán cho người lao động mua thêm theo số năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	0	0	0,00
3	Cổ phần tổ chức Công đoàn	0	0	0,00
4	Cổ phần bán đấu giá lần đầu ra công chúng (IPO)	2.414.700	24.147.000.000	63,83
	Tổng cộng	3.783.000	37.830.000.000	100,00

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương).

XIII. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Hiệu quả hoạt động, yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh; Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i), tốc độ tăng trưởng kinh tế và ngành; ii), tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Rủi ro luật pháp

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động SXKD của Công ty cũng như các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật; sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại...). Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung; bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động SXKD của Công ty. Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong

những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro của đợt chào bán

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong thời kỳ điều chỉnh do chịu ảnh hưởng tiêu cực từ sự suy giảm kinh tế chung. Mặt khác, tâm lý của các nhà đầu tư chưa thật sự ổn định, đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ và dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế, dẫn đến tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC không thật sôi động. Do đó việc chào bán cổ phần ra công chúng vào thời điểm này sẽ gặp một số khó khăn và điểm bất lợi nhất định. Tuy nhiên, những phản ứng tích cực của nền kinh tế với các chính sách điều tiết của Chính phủ thời gian gần đây và niềm tin dường như phần nào được lấy lại nơi các nhà đầu tư có thể hứa hẹn sự trở lại sôi động hơn của thị trường chứng khoán thời gian sắp tới.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định 126/2017/NĐ-CP, trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty phải hoàn tất các thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM. Do đó, đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán.

4. Rủi ro đặc thù ngành chăn nuôi

Giá thức ăn gia súc vẫn ở mức cao, chất lượng thức ăn chưa được kiểm soát:

So với các nước trong khu vực và thế giới thì giá thức ăn ở nước ta vẫn ở mức cao, điều này đã tác động bất lợi cho phát triển chăn nuôi lợn. Giá thức ăn cao là một yếu tố quan trọng dẫn đến giá thành sản phẩm chăn nuôi lợn cao và lợi nhuận chăn nuôi thấp. Chất lượng thức ăn do các nhà máy chế biến thức ăn gia súc sản xuất có chất lượng rất khác nhau và chưa kiểm soát được.

Mối đe dọa nghiêm trọng từ dịch bệnh đến chăn nuôi lợn:

Nước ta là một nước nhiệt đới, nơi xuất phát của nhiều dịch bệnh có tính chất khu vực như các bệnh truyền nhiễm: Lở mồm long móng, tụ huyết trùng, phó thương hàn, hội chứng bệnh tiêu chảy, hô hấp và sinh sản. Dịch tả lợn vẫn gây rủi ro rất lớn đến đầu tư phát triển chăn nuôi lợn, nếu đàn lợn không được tiêm phòng nghiêm ngặt. Ngoài ra, việc triển khai không đồng bộ, hệ thống dịch vụ thú y kém nên việc phòng trừ dịch bệnh cho đàn lợn vẫn chưa có hiệu quả cao.

5. Rủi ro khác

Các yếu tố rủi ro có thể xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty.

XIV. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán cổ phần

1.1 Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

❖ Bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước

Căn cứ Khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần:

“Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; người lao động của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cử xuống làm đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp khác chưa được hưởng chính sách mua cổ phần ưu đãi tại các doanh nghiệp khác được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 6.000 đồng/cổ phần”.

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2018), tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là: **26 lao động**. Công ty TNHH MTV Giồng gia súc Hải Dương đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty tại : **26 lao động**
thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn : **26 lao động**
thời gian làm việc tại khu vực nhà nước
- Tổng số CBCNV không được mua cổ phần ưu đãi: : **0 lao động**
- Tổng số CBCNV đăng ký mua cổ phần ưu : **26 người**
đãi
- Tổng số cổ phần mua theo thời gian làm : **44.300 cổ phần**
việc trong khu vực nhà nước
tương đương giá trị 443.000.000 đồng
tính theo mệnh giá chiếm 1,17% vốn
điều lệ dự kiến của CTCP
- Giá bán : 6.000 đồng/cổ phần
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ
phần ưu đãi.

❖ Bán cổ phần cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, quy định như sau:

“Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh

ng nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau:

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Hội nghị người lao động của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa."

Công ty đã tổ chức Hội nghị người lao động để phổ biến tới người lao động chính sách mua cổ phần của người lao động và thông qua tiêu chí lao động chuyên gia giỏi. Phương án mua thêm cổ phần đối với Người lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần như sau:

❖ *Tiêu chí người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao:* Không có.

❖ *Tình hình đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP của người lao động như sau:*

-Số lao động chuyển sang làm việc tại : 22 lao động

Công ty cổ phần

- Số lao động đăng ký mua cổ phần theo : 0 lao động

thời gian cam kết làm việc tại CTCP

- Giá bán

: 13.800 đồng/cổ phần.

1.2 Cổ phần bán cho Tổ chức Công đoàn

Theo quy định điểm b Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, quy định như sau:

"Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại Điều 26 Luật Công đoàn năm 2012; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần nhưng không quá 3% vốn điều lệ".

Do kinh phí của Công đoàn Công ty TNHH MTV Giồng gia súc Hải Dương chỉ đủ chi hoạt động thường xuyên nên Công đoàn không tham gia mua cổ phần khi cổ phần hóa.

1.3 Cổ phần chào bán công khai ra công chúng

- Tổng số cổ phần bán đấu : 2.414.700 cổ phần (tương ứng với 24.147.000.000 đồng chiếm 63,83% Vốn điều lệ Công ty cổ phần)

- Giá khởi điểm : 13.800 đồng/cổ phần
- Đơn vị tổ chức bán đấu giá cổ phần : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Số 2, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Thời gian bán đấu giá : Được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.
- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Các trình tự, thủ tục liên quan đến đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu công khai ra công chúng được quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

Số lượng cổ phần chưa bán được sẽ được điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Đối với người lao động: Theo thông báo bán cổ phần cho người lao động do Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương ban hành.

Đối với Nhà đầu tư trúng đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

XV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết, chi tiết như sau:

Bảng số 23. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ việc bán cổ phần

Chỉ tiêu	Chú giải	Số cổ phần	Giá Bán	Giá trị (đồng)
Giá trị sổ sách kế toán phần Nhà nước	(1)			37.830.748.812
Giá trị sổ sách kế toán phần vốn Nhà nước làm tròn	(2)	3.783.000		37.830.000.000
Vốn điều lệ phát hành thêm	(3)			0
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(4)	3.783.000		37.830.000.000
Vốn nhà nước tại Công ty cổ phần	(5)	1.324.000		13.240.000.000
Giá trị phần vốn Nhà	(6)=(4)-(5)	2.459.000		24.589.980.000

nước bán bớt tính theo mệnh giá				
Số tiền thu được từ cổ phần hóa	(7)=(8)+(9)+(10)	2.459.000		33.588.660.000
Bán cho cán bộ công nhân viên	(8)=(8.1)+(8.2)	44.300	6.000	265.800.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước	(8.1)	44.300	6.000	265.800.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	(8.2)	0	13.800	0
Bán cho công đoàn	(9)	0	10.000	0
Bán đấu giá lần đầu ra công chúng (IPO)	(10)	2.414.700	13.800	33.322.860.000
Số tiền chênh lệch giữa Vốn nhà nước trên sổ sách kế toán và Vốn Nhà nước làm tròn	(11)=(1) - (2)			748.812
Chi phí cổ phần hóa (Đã bao gồm chi phí bán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thu theo quy định)	(12)			497.568.580
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(13)			78.610.880
Chênh lệch tiền bán cổ phần ưu đãi cho CBNV	(14)	44.300	4.000	177.200.000
Số tiền giữ lại CTCP	(15)=(12)+(13)-(11)			575.430.648
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	(16)=(7)-(15)			33.013.229.352

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương)

XVI. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ LƯU KÝ, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH UPCOM

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định 126/2017/NĐ-CP, Công ty có kế hoạch đăng ký lưu ký tập trung và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch

UPCOM thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia khi lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương dự kiến sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom. Đây là cơ hội để doanh nghiệp huy động vốn trên thị trường, phục vụ mục tiêu phát triển, nâng cao các dịch vụ, đồng thời mở rộng cơ hội kinh doanh, các mối quan hệ và đối tác chiến lược nước ngoài.

XVII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương

Ông: Lê Hồng Diên – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư –
Trưởng Ban chỉ đạo

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án Cổ phần hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt.

2. Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương

Ông: Đinh Xuân Bình - Giám đốc Công ty

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương. Bản Công bố thông tin này chỉ có tính chất tham khảo, nhà đầu tư nên tham khảo thêm các tài liệu có liên quan khác trước khi quyết định đăng ký tham dự cuộc đấu giá.

3. Đại diện Tổ chức tư vấn

Ông: Hoàng Văn Bộ - Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính doanh nghiệp

(Theo Giấy Ủy quyền số 01/2018/GUQ-IRS ngày 05/04/2018 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia)

Bản công bố thông tin này được Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia xây dựng một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương cung cấp. Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương, Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương và Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia khuyến nghị các Nhà đầu tư nên nghiên cứu cẩn trọng và tham khảo Bản công bố thông tin và các tài liệu liên quan đến cuộc đấu giá để tìm hiểu, đánh giá một cách chính xác, khách quan các thông tin về doanh nghiệp trước khi quyết định đầu tư và Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Bản Công bố thông tin này là 01 phần của Hồ sơ đấu giá do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia lập trên cơ sở số liệu, thông tin do Công ty TNHH

MTV Giống gia súc Hải Dương cung cấp. Bản công bố thông tin được xây dựng với mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá được hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng phát triển của công ty trong tương lai. Tuy nhiên, các thông tin này không hàm ý đảm bảo giá trị cổ phần. Bản Công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin và số liệu BCTC và các số liệu liên quan khác do Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương cung cấp được coi là đáng tin cậy. Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu.

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được hoàn toàn miễn trách nhiệm trong trường hợp Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.

Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương, chính Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương và các khách hàng khác của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

KẾT LUẬN

Bản Công bố thông tin này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc bán đấu giá cổ phần lần đầu theo hình thức đấu giá công khai, là một nội dung của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương.

Trong bản Công bố thông tin, có một số nội dung mang tính chất tương lai liên quan đến các kế hoạch dự kiến, ý định của Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương trong việc xây dựng, phát triển công ty sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần như: Cơ cấu vốn điều lệ; Kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa; Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa; Mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty sau cổ phần hóa;...

Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương tin tưởng rằng các nội dung này được xây dựng một cách hợp lý, dựa cơ sở nền tảng tình hình thực tiễn của Công ty. Tuy nhiên, về bản chất, các nội dung tuyên bố trên bao hàm các yếu tố rủi ro và Công ty không đảm bảo sẽ xảy ra chắc chắn chính xác trong tương lai. Các nhà đầu tư cần lưu ý khi xem xét các nội dung hàm chứa tính chất tương lai được trình bày trong bản Công bố thông tin này. Ngoài ra, nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về nội dung hay thông tin được trình bày trong bản Công bố thông tin này, các nhà đầu tư nên tham khảo kỹ các tài liệu khác có liên quan và trao đổi kịp thời với Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương cũng như tổ chức tư vấn.

Việc phát hành cổ phần theo hình thức bán đấu giá công khai được trình bày trong Bản công bố thông tin này là một phần của quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giống Gia súc Hải Dương, góp phần hình thành nên Công ty cổ phần Giống Gia súc Hải Dương. Các nhà đầu trúng đấu giá hợp lệ và hoàn thành các thủ tục có liên quan sẽ trở thành cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Gia súc Hải Dương và có đầy đủ quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty và quy định của pháp luật.

Chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo kỹ Bản công bố thông tin, quy chế đấu giá cùng các tài liệu khác có liên quan trước khi quyết định tham dự cuộc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty.

Hải Dương, ngày 23 tháng 6 năm 2020

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CPH
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**



LÊ HỒNG DIÊN

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV GIỐNG GIA SÚC HẢI DƯƠNG



ĐÌNH XUÂN BÌNH

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

**ĐẠI DIỆN CTCP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
GIÁM ĐỐC KHỎI TƯ VẤN TCDN**



HOÀNG VĂN BỘ